

P. L. 2507

Năm thứ 7 — Số 68

刊月音圓

VIÊN - ÂM



VIÊN - ÂM NGUYỆT - SAN
ANNAM PHẬT-HỌC HỘI PHÁT HÀNH

1944

IN TẠI NHÀ IN ĐƯỢC TỬỆ
73, Rue Richaud, 73

DE ALPHONSE

GIÁ 0\$80

Le Maréchal a dit :

« Le travail est le moyen le plus noble et le plus digne que nous ayons de devenir maîtres de notre sort. Un homme qui sait accomplir sa tâche avec courage et expérience, présente toujours une valeur pour ses semblables. »

Thống-Chê Pétain đã nói rằng :

« Cần-lao là cách cao-thượng và xứng-dáng nhất để ta làm chủ số-phận của ta. Một người có đủ can-đảm và lịch-duyệt để làm phận sự thì đối với kẻ khác bao giờ cũng là người có giá-trị.

KÍNH CÙNG CHƯ QUÝ ĐỘC-GIẢ

Nhân kỳ hội-đồng lĩnh Hội-trưởng nhóm họp tại Huế ngày 24, 25 và 26-12-43, chúng tôi đã trình bày những nỗi khó-khẩn trong việc xuất bản Viên-âm nguyệt san, phần thì bởi vật hạng mắc-mỏ, phần thì giấy má thiếu hụt . . . chưa kể những nỗi trở ngại mà ấn-quan Đuốc-Tuệ vừa gặp vì những biến cảnh mới xảy ra, khiến phải dời đi xa chốn Hà-thành nên đã làm ngưng trệ việc xuất bản Viên-âm trong một thời-gian mấy tháng.

Xét rõ những nguyên-nhân ấy gây ra bởi thời cuộc hiện-tại, hội-đồng đã đồng thanh công nhận việc tăng giá Viên-âm là một việc tối cần để cố gắng giữ mực trung bình với sự giá lãng của vật liệu.

Vậy kể từ ngày 1er Janvier 1944, chúng tôi đã sửa giá báo đồng niên như sau :

Độc-giả hội-viên	3\$00	ngoài hội	3,50
		Giá bán lẻ mỗi số	0,30

Ngài nào đã gởi tiền theo giá cũ rồi, xin làm ơn gởi thêm cho đúng với giá mới. Còn những ngài chưa trả, xin cứ theo giá mới trên đây mà gởi cho.

Xin các Ngài cũng lượng xét mà vui lòng hoan-hỷ.

Chúng tôi thành-tâm cảm tạ chư-quý độc-giả trước và kính chúc Quý-ngài bỏ-đề tâm kiện-cổ.

Nam-mô Bồn-sư Thích-Ca Mâu-Ni Phật VIÊN-ÂM

BỒ-TÁT U'U-BÀ-TẮC-GIỚI

(Tiếp theo trang số 65)

III.-Thế nào là thọ-tri Bồ-tát-giới.- Thọ-tri Bồ-tát-giới - là nghiêm giữ và thiệt-hành thọ giới-luật của Đại-thừa Phật-giáo. Giới là một điều rất quan-hệ trên đường tu-hành, không luận tu về thừa nào, nếu tu-hành mà không tri-giới thì thân tâm không thể được thanh-tịnh, không do đâu mà sanh định, mà phát huệ. Giới là cơ-sở của sự tu-hành, là rường cột của Phật-Pháp, nên trước khi nhập Niết-bàn, trong Di-Giáo-kinh, Phật Thích-Ca đã di-chức cho đệ-tử lấy giới-luật làm Thầy.

Chúng-sanh trong vô-lượng kiếp mê theo vọng-luong, chấp-trước giả-danh nhận có thân riêng, tâm riêng. Hóa ra có lòng tự-kỷ. Nhân lòng tự-kỷ mà sanh ra tham, sân, si, mạn, và các phiền-não ác-kiến, tạo ra các ác-nghiệp, làm cho trí sáng suốt càng ngày càng mờ, tâm mê-chấp càng ngày càng nặng, đến nỗi chịu vô-lượng khổ trong luân-hồi, vẫn không biết tự-linh, quay đầu về bến, dù được nghe lời chỉ dạy. Lại tập-quán phiền-não nhiễm-ái đã lâu đời, chẳng nói những hạng quá mê không nghe, không hiểu, không tin Phật-pháp, mà dù cho những kẻ có được nghe Phật-pháp, có học hiểu Phật-pháp, cho đến có tin-ngưỡng Phật-Pháp mà công hạnh tu-tấn vẫn bê-trễ rut-rè, một ngày nắng, mười ngày mưa, rồi cuộc cũng chẳng mấy ai đánh-đổ được thói quen mê-làm và trực-nhận tâm-thể bản-lai trong sạch sáng-suốt. Chúng sanh thường phải sa-đọa như vậy là vì không đủ phương-pháp duy-trì tự tâm nên cứ theo tập khí mê-làm mà tạo nghiệp ô-nhiễm, rồi các nghiệp ô-nhiễm trở lại huân-tập nơi tự-tâm, làm cho gốc phiền-não càng thêm vững chắc.

« Có phiền-não thì không Bồ-đề », đó là lời Phật

dạy trong kinh Niết-bàn nêu gốc phiền-não vững-chắc thì quyết-định không thể phát-minh trí-huệ, tu-chứng chánh-quả. Phật thương xót chúng sanh không được tự tại trong đường Bồ-đề nên dạy các giới-luật để cho chúng sanh phát-nguyện giữ-gìn, hầu mong khỏi tăng-trưởng các tập-khí phiền-não, ô-nhiễm.

Giới của tại-gia Bồ-tát có hai phần : là phần chỉ-trị và phần tác-trị ; chỉ-trị để ngăn-ngừa điều ác, tác-trị để hun-đúc thiện-căn. Chúng sanh nếu thọ-trì các giới ấy thì tâm không phóng-dật, không phóng-dật mới định-tĩnh, có định-tĩnh thì trí suy-xét mới sáng-suốt, trí suy-xét sáng-suốt mới biết rõ mê ngộ chính tà, mà lần-hồi tu-tập cho đến bậc giác-ngộ. Giới-luật là áo giáp thân trong đám quân giặc phiền-não, là con thuyền tế-dộ trong bể trầm-luân, là cội-gốc của các công-đức thế-gian và xuất thế-gian, là nền-tảng vững-chắc cho thành Đại Niết-bàn. Tại-gia Bồ-tát cần phải tu-trì giới-luật của mình cho rất tinh-nghiêm mới thắng nổi hoàn-cảnh và tập-quán, và chắc-chắn khỏi lui-sút trong đường giác-ngộ.

Như trên đã nói, Bồ-tát Ưu-Bà-Tắc-giới chia ra có 3 phần là nhiếp-luận-nghi-giới, nhiếp-thiện-pháp-giới, và nhiều-ích-hữu-tình giới.

A. - Nhiếp - luận - nghi - giới. - Nhiếp-luận-nghi-giới thuộc về phần chỉ-trị, cốt để dẹp trừ các điều ác, Bồ-tát chẳng những cần phải trì giới này nơi thân mà còn cần phải trì giới này nơi tâm, nếu tâm phát ra niệm ác thì đầu thân không làm, cũng đã phạm-giới, nên Bồ-tát cần suy-xét tâm-niệm sanh diệt rất tường-tận, hễ móng ra những niệm không tốt thì liền sám-hối, và dùng chánh-quán mà dứt trừ, không lúc nào để cho tâm-niệm ấy bám chặt vào tâm mình làm môi-giới cho sự sa-dọa tương-lai. Miên giữ tâm được thanh-tĩnh thì

dù Bồ-tát trong lúc vô-ý, trong lúc cứu-độ sanh-linh, thân có phạm các giới nữa, mà giới-thề vẫn được hoàn toàn, không chút khuy-khuyết. Song điều này là một điều rất khó, người tâm - thường với tâm tư-kỷ, với tâm phân-biệt, không thể đương nổi : nếu vì muốn thỏa tư-dục, lạm xưng là tâm thanh-lĩnh mà làm cần làm quấy, không suy-xét hành-tướng nhiệm-trước nơi tự-tâm, thì mang tội đại-vọng-ngũ, tội hủy-báng Bồ-tát-giới, chính mình lầm-lạc lại làm cho người khác lầm-lạc, và sau phải sa-đọa vào vô-gián địa-ngục. Nhân đó nên thường chỉ có ngũ-địa Bồ-tát đã phá-trừ phân-biệt pháp-chấp, đã trừ-tuyệt các chủng-tử đồng-kiến dị-kiến, mới tu được ác-pháp-môn, cũng như duy các bậc lương-y mới dám dùng các thuốc độc để trị bệnh. Những bậc sơ-tâm tu-hành, nơi đây phải thận-trọng cho lắm, không nên mở cửa để cho ma-quân ngũ ấm cướp hại pháp-thân, đến nỗi về sau không cứu-chữa được nữa.

Luật-nghi-giới của tại-gia Bồ-tát, ngoài các pháp Tam-quy, Ngũ-giới, lại còn có 6 giới trọng và 28 giới khinh, 6 trọng giới là :

1) Sát-sinh. — Tại-gia Bồ-tát, dầu vì thân-mạng, cũng không được tự giết hay bảo người giết một con kiến men, nếu phạm thì mất giới.

2) Trộm cắp. — Tại-gia Bồ-tát, dầu vì thân-mạng, cũng không được trộm cắp một đồng tiền nhỏ, nếu phạm thì mất giới.

3) Vọng-ngũ. — Tại-gia Bồ-tát, dầu vì thân-mạng, cũng không được nói dối rằng đã được một phép quán hay một quả vị nào, nếu phạm thì mất giới.

4) Tà-dâm. — Tại-gia Bồ-tát, dầu vì thân-mạng, cũng không được tà-dâm, nếu phạm thì mất giới.

5) Nói xấu từ-chúng. — Tại-gia Bồ-tát, dầu vì

thân-mạng, cũng không được phò-bày tội-lỗi của Từ-chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ny, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, nếu phạm thì mất giới.

6) Bán rượu. — Tại-gia Bồ-tát, dẫu vì thân-mạng cũng không được bán rượu, nếu phạm thì mất giới.

28 giới khinh là :

1) Không biết cúng-dường cha mẹ, Sư-trưởng.

2) Ưa thích uống rượu.

3) Sợ nhớp, không chăm nom bệnh hoạn.

4) Thấy có người xin, không tùy tiện cho ít nhiều để trở về không.

5) Thấy các bậc Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ny, Trưởng-lão, Tiên-túc, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di mà không đón rước, lễ bái hỏi han.

6) Thấy từ-chúng phá giới mà sanh lòng kiêu-mạng, nghĩ rằng mình hơn người, người ta không bằng mình.

7) Trong một tháng, không thọ-tri bát quan-trai giới và cúng-dường Tam-bảo được sáu ngày.

8) Cách 40 dặm, có chỗ giảng pháp, không biết đến nghe.

9) Thọ lãnh, giường ghế, chiếu chăn của các chùa,

10) Nghi trong nước cò sâu mà không lọc trước, cứ uống.

11) Trong chỗ hiểm nạn, đi một mình không có bạn-bè.

12) Một mình vào ngủ trong chùa vắng.

13) Vì của cải, vì thân-mạng mà đánh mắng đày tớ hoặc người ngoài.

14) Lấy đồ ăn thừa mà bố-thí cho từ-chúng.

15) Nuôi mèo, nuôi chồn.

- 16) Nuôi các súc-vật voi, ngựa, trâu, dê, lừa, lạc-đà mà không cho những người chưa thọ-giới.
 - 17) Không dự trữ áo Tăng-già-lê, bình bát tích-trượng để cúng cho các bậc xuất-gia.
 - 18) Lúc cần làm ruộng để nuôi sống mà không lựa chỗ nước trong và ruộng cao.
 - 19) Lúc cần buôn - bán để nuôi sống, nói giá hàng rồi lại bắt cao hoặc đong cân không bằng thẳng.
 - 20) Làm việc dâm-dục không phải chỗ như ở chùa, không phải thời như trong những ngày trai.
 - 21) Mua bán những đồ lậu thuế hoặc những đồ trộm cắp.
 - 22) Phạm luật lệ nhà nước.
 - 23) Có gạo mới, hoặc trái, hoặc dưa, hoặc rau, hoặc bông, không đựng cúng Tam-bảo mà tự thọ dụng trước.
 - 24) Chư Tăng không cho thuyết-pháp, không tán thân mà tự làm.
 - 25) Giữa đường, đi trước các vị Tỷ-kheo và các vị Sa-di.
 - 26) Cúng dường chư Tăng mà riêng lựa cho thầy mình đồ ngon tốt quá phần đáng cúng.
 - 27) Nuôi tằm.
 - 28) Lúc đi đường, gặp người có bệnh không đến chăm nom, không tìm cách gửi-gắm mà bỏ đi.
- Các giới khinh này, nếu phạm mà biết sám-hối thì không mất giới. Các nhiếp luật-nghi giới thuộc về phần chỉ-trì, nếu tại-gia Bồ-tát giữ được hoàn-toàn thì thân-tâm yên-tĩnh, được vô-lượng lợi-ích.

B. - Nhiếp-thiện pháp giới. Nhiếp thiện pháp

giới có nhiều nghĩa, một là cáo vị Bồ-lát cần phải tu học các thiện sự thế-gian và xuất-thế-gian và các giáo-pháp của Phật để tăng trưởng thiện căn, trau-dồi trí-huệ. Hai là vị Bồ-tát cần phải tu học tất cả thiện-pháp, dầu là hữu-lậu thiện hay vô-lậu thiện để đủ sức nhiếp hóa chúng sanh. Trong đó cốt nhất vị Bồ-tát phải học ngũ minh :

a) Thanh minh là rõ biết danh-từ văn-chương để đủ sức phô-bầy ý-trưởng một cách rõ-ràng và tao-nhã.

b) Công xảo minh là rõ biết các kỹ-nghệ mỹ-thuật để đủ sức hiểu tâm-lý các nhà nghệ-thuật và dìu-dắt họ về đường chánh-pháp trong lúc đồng sự hoặc đủ sức dùng nghệ-thuật mà truyền-bá Phật-pháp.

c) Y học minh là rõ biết nghề làm thuốc để cứu chữa thân bệnh cho chúng sanh, nhân đó có thể cứu chữa luôn cả tâm bệnh.

d) Nhân sinh là rõ biết phương-pháp luận-lý để đủ sức biện-luận chặt-chẽ, phá tà hiển chánh.

e) Nội minh là thông hiểu tam-tạng kinh-diễn, rõ thấu đệ-nhất nghĩa đở của đạo Phật đặng đủ sức phương-tiện dắt-dìu chúng sanh về con đường chánh-tin.

Ba là nhận biết tự tánh thanh-tịnh tâm, bản lai thường bình-đẳng và thường sai-biệt, tùy theo căn cơ, dùng phương-tiện thiện xảo mà hóa độ, tuy phân-biệt rạch-ròi các pháp tướng mà vẫn không thấy thiệt có một pháp, vẫn không ly đệ-nhất nghĩa đở. Nhiếp thiện pháp giới về phần tác tri, Bồ-tát cần phải tinh-tấn tu học giới này mới đủ sức tự lợi, lợi tha.

C. - Nhiều ích hữu-tình giới. Nhiều ích hữu-tình giới cũng về phần tác tri cốt để làm cho chúng

sanh đượ*o* thiệt lợi thiệt ích, tức là lợi sanh tế vật. Muốn tu tập nhiều ích hữu-tình giới, trước hết cần phải tu bi tâm. Các vị Bồ-tát hoặc vì thấy chúng sanh chìm-đắm trong bể khổ sanh tử, đổ lòng cứu vớt mà phát sanh bi tâm. Hoặc vì muốn chúng sanh đầy đủ thập lực, từ vô sở úy, đại bi v. v. . của chư Phật mà phát sanh bi tâm ; hoặc vì thấy chúng sanh độc ác lại càng thương-mến mà phát sanh bi tâm ; hoặc vì thấy chúng sanh mê lầm không ai chỉ dắt mà phát sanh bi tâm ; hoặc vì thấy chúng sanh truy-lạc trong ngũ-dục không thể ra khỏi, mà vẫn cứ tha liêu, nên phát sanh bi tâm ; hoặc vì thấy chúng sanh, vì bị của cải vợ con ràng buộc không thể thoát-ly mà phát sanh bi tâm ; hoặc vì thấy chúng sanh, vì đẹp-đẽ mạnh giỏi mà sanh lòng kiêu-mạn nên phát sanh bi tâm ; hoặc vì thấy chúng sanh bị tà sự phỉnh gạt rất đáng thương-xót mà phát sanh bi tâm ; hoặc vì thấy chúng sanh, đọa lạc trong lục đạo, chịu nhiều khổ-não mà vẫn cứ ư*u* ra đắm nên phát sanh bi tâm ; hoặc vì thấy chúng sanh tạo những nghiệp dữ, chịu nhiều quả khổ mà vẫn ư*u* ra đắm, nên phát sanh bi tâm ; hoặc vì thấy chúng sanh, tham ư*u* ngũ dục như khát uống nước mặn, càng uống càng khát mà phát sanh bi tâm ; hoặc vì thấy chúng sanh, tuy ư*u* vui mà chẳng tạo nhưn vui, tuy ghét khổ mà vẫn tạo nhưn khổ, như không giữ giới mà muốn sanh về cõi trời nên phát sanh bi tâm ; hoặc vì thấy chúng sanh, thiệt không ngã, không ngã sở, mà lầm tưởng có ngã, có ngã sở nên phát sanh bi tâm ; hoặc vì thấy chúng sanh, bản tánh không phải cứ xoay vần trong luân-hồi mà phát sanh bi tâm ; hoặc vì thấy chúng sanh, sợ sanh lão bệnh tử mà cứ tạo nghiệp nhưn của sanh lão bệnh tử nên phát sanh bi tâm ; hoặc

vi thấy chúng sanh, thân-tâm chịu khổ-não mà cứ gây nghiệp nên phát sanh bi tâm ; hoặc vi thấy chúng sanh khổ vi ái biệt-ly mà không biết đoạn ái nên phát sanh bi tâm ; hoặc vi thấy chúng sanh ở trong trong vô-minh tối-tăm không biết thắp đèn tri-huệ mà phát sanh bi tâm ; hoặc vi thấy chúng sanh, bị phiền-não đốt cháy không biết cầu nước Tam-Muội mà phát sanh bi tâm ; hoặc vi thấy chúng sanh do ngũ-dục gây nhiều nghiệp dữ nên phát-sanh bi tâm ; hoặc vi thấy chúng-sanh biết ngũ-dục là khổ mà vẫn cầu mãi không thôi, không khác người đòi ăn cơm có thuốc độc nên phát sanh bi tâm ; hoặc vi thấy chúng-sanh ở trong ác thế bị các hà-chánh, chịu nhiều khổ-não, vẫn cứ thả liều, không chịu tu-tập nên phát-sanh bi tâm ; hoặc vi thấy chúng-sanh, chịu 8 món khổ, không biết đoạn trừ nhân khổ mà phát-sanh bi tâm ; hoặc vi thấy chúng-sanh đối khát-lạnh nóng không được tự-tại mà phát-sanh bi tâm ; hoặc vi thấy chúng-sanh, hủy phạm cấm giới sẽ phải chịu quả-báo địa-ngục, ngã quý, súc-sanh mà phát-sanh bi tâm ; hoặc vi thấy chúng-sanh, về các phương diện sắc lực thọ mạng, an-ần biện tài không được tự-tại mà phát-sanh bi tâm ; hoặc vi thấy chúng-sanh, tật nguyên không đủ các căn mà phát-sanh bi tâm ; hoặc vi thấy chúng-sanh, gặp thời đói kém, thân-thể hao-mòn, giết cướp lẫn nhau, mà phát-sanh bi tâm ; hoặc vi thấy chúng-sanh, bị kiếp đao-binh, lại càng tàn hại lẫn nhau, lòng ác càng thêm, về sau phải chịu khổ báo vô-lượng nên phát-sanh bi tâm ; hoặc vi thấy chúng-sanh, gặp Phật nghe pháp, không biết thọ-tri nên phát-sanh bi tâm ; hoặc vi thấy chúng sanh, tin kẻ tà ác, không chịu noi theo giáo-huấn của thiện-tri-thức mà phát-sanh bi tâm ; hoặc vi thấy chúng-sanh, nhiều tiền của không biết bố-thi mà phát

sanh bi tâm ; hoặc vì thấy chúng-sanh, cây ruộng, bầu-bán, làm ăn cực-khổ mà phát-sanh bi tâm ; hoặc vì thấy chúng-sanh, cha mẹ anh em, vợ con tôi-tớ, quyến-thuộc họ-hàng không yêu mến nhau mà phát-sanh bi tâm ; hoặc vì thấy chúng-sanh, dầu được cái vui nơi cõi trời « phi-tướng, phi-phi-tướng » nhưng vẫn vô-thường biến-hoại, chẳng hơn gì cái khổ ở địa-ngục, nghĩa là đều bị cái khổ vô-thường nên phát-sanh bi tâm.

Theo Ưu-Bà-Tắc giới kinh, tại gia Bồ-tat nhờ quan sát như trên mà phát sanh bi tâm. Khi chưa đắc-đạo tâm còn lay động, còn thấy có ngã, có pháp, còn có hạn-lượng chưa được tự-tại cứu vớt tất cả chúng sanh thì chỉ gọi là bi tâm. Khi đắc đạo rồi, rõ biết pháp tánh bình-đẳng, không sanh không diệt, không thêm, không bớt, không nhiễm không tịnh, không khứ không lai, tâm không lay động đủ sức tự-tại, cứu-độ tất cả chúng sanh thì gọi là Đại-bi.

Bồ-tat nhờ từ bi tâm mà có thể thi những cái khó thi, nhẫn những cái khó nhẫn, làm những cái khó làm, nếu không từ bi tâm, thì chẳng những không thể tu lục độ vạn-hạnh, mà cho đến Ưu-Bà-Tắc giới cũng không thể giữ trọn Đại Nhật Kinh có dạy : « Từ-Bi vi căn-bản, phương tiện vi cứu-cánh » muốn tu các phương tiện tự giác giác tha, tự lợi lợi tha, trước hết cần phải vun gốc Từ-bi cho bền chắc. Tại-Gia Bồ-tat phát được bi tâm, biết tu bi tâm thì liền diệt trừ vô-lượng ác-nghiệp quá khứ, và dầu làm một thiện-sự nhỏ mọn gì cũng được quả báo vô-biên vô lượng.

Tại gia Bồ-tat, vì lòng từ bi dùng từ-nhiếp-pháp mà đắc-diu chúng sanh khiến cho tránh dữ làm lành, hết lòng dạy-dỗ như dạy con một, không cầu báo ơn, không vì danh tiếng, không vì lợi-dưỡng, không cầu tự lạc.

Tứ-Nhiếp-Pháp là Bồ-thí, ái-ngữ, lợi-hành, đồng-sự. Tứ-Nhiếp-Pháp là thể theo lòng người, gây tình thân mật để có thể dắt-diu lần về chánh-pháp Bồ-thí là giúp của giúp sức hoặc giúp bằng lời nói. Ái ngữ là thuận theo căn-cơ mà thuyết-pháp, khi thấp khi cao, khi rộng khi hẹp, để cho ai ai đều có thể hiểu được, tin được Pháp-Phật. Lợi hành là làm các việc lợi-tha đồng sự là chung cùng gần gũi để gây cảm-tình Bồ-tát khéo dùng Tứ-Nhiếp-pháp, có thể làm cho xa gần mến đức, nhiều người phát tâm. Nếu không biết dùng Tứ-Nhiếp-Pháp, thì công việc hoằng pháp ít thấy hiệu-quả và dễ sanh lòng thối-thất. Bồ-Tát đối với các người đệ-tử phải tùy thời dạy-vẽ, người độn căn thì dạy cho họ sanh tin tâm, người trung căn thì dạy cho thuần-thực, người lợi căn thì dạy cho được giải-thoát, khi đau, khi ốm chằm sóc không thôi, mắng nhiếc, chê bai, khó nhọc đau khổ đều nhẫn được hết ; Ai có khổ phải cứu giải, ai còn nghi phải dứt trừ, theo bệnh mà cho thuốc, thường khuyên học Phật-pháp và tu lục niệm (niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm thi, niệm giới, niệm thiên) để cho các đệ-tử được nhiều lợi-ích. Nếu tại-gia Bồ-Tát không biết dùng phương-tiện dạy dỗ, làm cho đệ-tử hư-hỏng thì đó là người phá-hoại Phật-pháp chớ không phải là tại-gia Bồ-tát.

Tại-gia Bồ-tát thọ giới rồi, phải cúng dường Tam-Bảo, phải phát Bồ-đề nguyện. Cúng dường Tam-bảo, là cúng dường Phật, và Pháp, và Tăng. Tam-bảo, có ba thứ : một là như thể Tam-bảo là thanh-tịnh tự tánh Phật, Pháp, Tăng, người đời sẵn đủ, pháp pháp chẳng không, tâm, Phật và chúng sanh, bình-đẳng một thể. Hai là biệt tướng Tam-Bảo, nghĩa là các bậc chứng quả vô-thượng Bồ-đề là Phật bảo, các Pháp của Phật

đây là Pháp bảo, các vị nương theo Phật-Pháp tu-hành, chứng được từ bậc Tứ gia-hạnh cho đến đẳng giác Bồ-tát là Tăng bảo. Ba là Trú-trì Tam-bảo, nghĩa là các tượng Phật cúng dường tại chùa. Phật là Phật bảo, các quyền kinh điển Phật là pháp bảo, các Tăng chúng phụng hành luật Phật là Tăng-bảo. Phật là hết thấy pháp tạng, Bồ-Tát Ưu Bà-Tắc cần phải hết lòng cúng dường sanh thân, (là thân đức Thích-Ca) diệt thân (xá lợi) hình-tượng thap miếu, dầu ở chỗ đồng rộng không thap không tượng cũng thường nhớ nghĩ, tôn trọng tán thán, tự mình làm và khuyên người làm như vậy, khi thấy người làm tâm rất vui-mừng;. Trong lúc cúng dường, tự tay mình làm không sai kể khác, cũng không vì hơn kẻ khác mà làm, cúng dường rồi không ăn-năn không sầu-não, thì dầu cúng một cây hương, một cành hoa, lễ một lễ hay nhiều một vòng, chung cúng nhiều người và chỉ cúng một thời, công đức cũng không thể kể xiết. Khi thấy chùa tháp, nên đứng lễ cúng, nếu có hư-sụp đổ nhợt thì nên sửa sang quét-dọn, hoặc tự mình làm, hoặc không đủ sức thì khuyên người làm, thường lấy nước hương dội rửa tượng Phật, tùy sức cúng dường trang phan bảo cái, hương hoa kỹ nhạc. Khi tạo tượng Phật, không nên tạo tượng bán thân; khi thấy tượng hư nên che đậy lại, rồi tự mình và khuyên người sửa sang cho hoàn-hảo.

Song trong các cách cúng dường, thì không chỉ bằng chỉ tâm cung kính, tán-thán tôn trọng công đức Phật, nghĩa là thân của Phật đủ tam thập nhị tướng, bát thập chủng bảo, sức mạnh không cùng; tâm của Phật có thập lực: 1) trí thị xứ phi xứ trí lực, là trí lực biết sự lý đúng hay chẳng đúng, 2) trí tam thể nghiệp báo trí lực, là trí lực biết nghiệp báo ba đời, 3) Tri chư thuyên giải thoát tam muội trí lực, là trí lực biết các thuyên định các phép giải-thoát, các tam muội. 4) Trí chúng sanh tâm tánh

tri-lực là tri-lực biết tất cả tâm tánh chúng sanh 5) Tri chủng chủng giải tri-lực là tri lực biết các lối nhận hiểu của thế-gian và xuất thế-gian. 6) Tri chủng chủng giới tri-lực là tri-lực biết đường đi bất luận đến kết-quả nào. 7) Tri nhất thiết chí xứ đạo tri lực, là tri lực biết hết về phần hành hữu-lậu của Lục-đạo nó tới đâu và phần hành Niết-bàn vô-lậu nó đến đâu. 8) Tri thiên nhãn vô-ngại tri lực là tri lực biết mọi việc trong vô-lượng vô biên pháp giới không gì ngăn-ngại. 9) Tri túc mạng vô-lậu tri-lực là tri-lực vô-lậu biết tất cả đời trước của mỗi chúng-sanh. 10) Tri vĩnh đoạn tập khi tri lực là tri lực biết đoạn hẳn các tập-khi). Tứ vô sở úy : 1) Thuyết nhất thể tri vô sở úy là ở trong đại-chúng, tự nói là bậc nhất thể chánh-tri không chút e sợ. 2) Thuyết lậu tận vô sở úy, là tự nói đã đoạn hết tất cả phiền-não, không chút e sợ. 3) Thuyết chương đạo vô sở úy, là nói các pháp chương-đạo không chút e sợ. 4) Thuyết tận khổ đạo vô sở úy là nói đường tu tập diệt hết khổ-não, không chút e sợ. Đại-bi, ngũ-tri tam-muội (5 phép tam-muội này do các phép quán ngũ-đỉnh tâm mà dựng). Tam chủng pháp môn (xa ma tha, tỷ bát xá na, thuyên na) thập nhất không quán (nội không, ngoại không, nội ngoại không, hữu-vi không, vô-vi không, vô-thỉ không, tánh không, vô-sở hữu không, đệ nhất nghĩa không, đại không), thập nhị duyên tri (là trí rõ biết thập nhị nhân duyên về phương-diện lưu chuyển và hoàn-diệt) vô-lượng thuyên-định (thế-gian thuyên, xuất thế gian thuyên, như-lai thuyên). Thất tri (tức thất-giác chi : Trạch pháp, tinh-tiến, hỷ, khinh-an, niệm định, hành xả giác chi) và đã chứng tột bậc sáu phép Ba-la-mật (lục-độ) v.v. những người biết do các pháp như vậy mà tán-thán Phật thì mới gọi là thiết cúng dường Phật. Còn cúng dường thập nhị bộ kinh thì gọi là cúng dường

pháp, cúng dàng thập nhị bộ kinh, nghĩa là hết lòng tin mến thọ trì, đọc tụng, giải nói, tự mình hành và khuyên người hành theo lời kinh dạy, chép viết lưu-thông và cúng dàng kinh như cúng dàng Phật. Nếu biết cúng dàng những người thọ trì đọc tụng các kinh-điền ấy thì cũng gọi là cúng dàng pháp, và trong lúc cúng dàng pháp cũng tức là cúng dàng Phật. Còn như cúng dàng các bậc xuất-gia phát Bồ-đề tâm, thọ trì cấm giới đề lên đến quả tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-Hán thì gọi là cúng dàng Tăng.

Phật, pháp, Tăng Tam-Bảo là phước-điền vô-thượng các người tại-gia biết cúng dàng Tam-Bảo thì được nhiều lợi-ích trong vô-lượng vô số kiếp, và lúc nào cũng gần-gũi Thập-phương chư Phật.

Thế nào là phát Bồ - đề nguyện ? Phát Bồ-đề nguyện là phát tứ hoằng thệ nguyện :

- « Chúng-sanh vô-biên thệ nguyện độ,
- « Phiền-não vô-tận thệ nguyện đoạn,
- « Pháp-môn vô-lượng thệ nguyện học,
- « Phật-đạo vô-thượng thệ nguyện thành ».

Hoặc là phát Phả-Hiền thập nguyện : Nhứt giả lễ kinh chư Phật, nhị giả xưng tán Như-lai, tam giả quảng tu cúng dàng, tứ giả sám hối nghiệp-chướng, ngũ giả tùy-hỷ công-đức, lục giả thỉnh chuyển pháp luân, thất giả thỉnh Phật trú thế, bát giả thường tùy Phật-Học, cửu giả hằng thuận chúng - sanh, thập giả phổ giai hồi-hướng. Tại-gia Bồ-tát, muốn tự lợi, lợi tha phải tu sáu phép Ba-la-mật. Ba-la-mật nghĩa là đến bờ bên kia. Lục phạm mê vọng là bờ bên này. Tứ thánh giải - thoát là bờ bên kia. Tu sáu phép, bố-thí, tri-giới, tịnh-tiến, nhẫn-nhục, thuyên-định, Bát-nhã đến tốt bờ giải-thoát thì gọi là lục Ba-la-mật. 6 phép Ba-la-mật là phép tu trọng yếu của những bậc đã phát-tâm Bồ-đề, tu hạnh Bồ-tát, cần nên nghiên

cứu rõ-ràng trong một bài riêng. Nay chỉ xin lược nói thế nào mới được gọi là lục ba-la-mật. Như trong lúc bố-thí không cầu các quả-báo ở nội thân, ngoại cảnh, không luận phải phước điền hay không phải phước điền, bố-thí tất cả thứ của cải, tâm không tiếc nuối, không lựa thời-tiết thì gọi là Bố-thí Ba-la-mật. Dầu vì thân-mạng, cũng không chịu hủy-phạm tội nhỏ thì gọi là Tri-giới Ba-la-mật. Kể ác đến cất thối mình, nhân mà không giận thì gọi là Nhẫn Ba-la-mật. Tung một bài kệ tán Phật trong ba tháng không dừng, không nghỉ thì gọi là Tinh-tiến Ba-la-mật. Được Kim-cương Tam-muội thì gọi là Thuyền-định Ba-la-mật. Được vô-thượng chánh đẳng chánh giác thì gọi là Bát-nhã Ba-la-mật. Ngoài sáu phép Ba-la-mật ra tại-gia Bồ-tát còn phải tu-hành muôn hạnh công-đức để đầy đủ ba mươi hai tướng của Như-lai.

Các phép tu đó đều là những lối tu tự lợi, lợi tha, nên đều thuộc về Nhiều ích hữu tình giới. Tại-gia Bồ-tát nhất tâm tu tập, giữ được tam tụ tịnh giới hoàn-toàn trong một đời, thì công-đức rộng lớn, trí-tuệ sáng - suốt, đời nào cũng đắc - giới, không cần phải thọ Bồ-tát giới lần thứ hai nữa. Bồ-tát giới là cơ-sở của đường tu-hành thành Phật, trông mong toàn-thể thịnh-giả, phát quang-đại Bồ-đề tâm, nguyện tu-học theo con đường này, thì công-đức vô-lượng vô biên không thể kể xiết.

PHƯƠNG-DANH

Học-sinh Cao-dẳng trường Annam Phật-Học Hội

SEN TRẮNG

Kính tặng Đoàn Phật-Học Đức-Dục nhân dịp lễ
Kỷ-niệm đệ tam chu-niên của Đoàn

Các Gia-Đình Phật-Hóa Phở ở Huế

Trên con đường đất quanh-co, một chàng thanh niên đang rong ruổi đạp, khom lưng trên chiếc xe sắt mới. Chàng như không để ý đến cảnh-vật xung quanh, và con đường gồ-gề kia không thể bắt chàng dừng đạp mạnh. Gió vẫn ri-rào trong rừng thông cao-vút, những tia nắng ban chiều đã bắt đầu xuyên qua rừng cây rậm. Thỉnh-thoảng vài tiếng chim kêu phá tan làn không-khí im lặng dịu-dàng.

Toàn, tên chàng thanh-niên Toàn vẫn đạp và chẳng bao lâu đã đến trước một cửa chùa. Chàng bỗng dừng xe bên gốc cây, nhìn vào trong, vẻ mặt lo-lắng. Cảnh tĩnh-mịch của ngôi chùa như quyến rũ chàng, nhưng cũng như gieo vào lòng chàng một mối lo-sợ không bờ-bến. Mỗi lần chàng muốn bước qua bậc cửa Tam-quan là mỗi lần chàng rụt-rè thối bộ.

Nhưng Toàn là ai? Vì sao chàng đến chùa mà chẳng muốn vào?

Con một gia-đình giàu-có lại được bà mẹ hiền thương chuộng như ngọc. Rủi thay mẹ mất sớm, gặp bà kế-mẫu tánh khắt khe làm cho chàng đau khổ bội phần. Tuy chàng được cha gầy nhưng lòng yếu lạnh-lẽo của đàn ông làm sao sưởi ấm được lòng trẻ, đốt cháy được các hiềm-khích nhỏ-nhen của người đàn-bà... Đến năm 19 tuổi, chàng thi hỏng thành chung, thật là một dịp cho bà kế-mẫu dẫn thúc

mạt sát.

Chàng chán cảnh gia-đình ; lòng thương cha không đủ sức để giữ chàng ở lại và một đêm kia, chàng bỏ nhà ra đi, không một lời, không một bức thư . . . Chàng không nhất định đi đâu, nhưng điều cốt-yếu là thoát cảnh gia-đình buồn-bã. Với sức học của mình, Toàn muốn tự kiếm nghề để nuôi thân, thà sống nghèo mà tự do.

Mấy tháng sau, Toàn đã làm cho một hãng buôn ở Kinh-dô. Từ đó bắt đầu cuộc đời biệt lập. Chàng thuê nhà ở với một người bạn đồng-nghiệp. Chàng chỉ cốt sống cho qua ngày tháng. Nhiều khi, chàng tự thấy đời chàng trống-trải quá và ý-nghĩ quyết sinh tử nhiều lần thoáng qua trong trí chàng. Nhưng chàng đã sống cạnh một tội ác mà chàng không biết. Bạn chàng là một thanh-niên đang dấn-đuôi trong đục-vọng, người ấy đã khéo quyến-rũ chàng và chẳng bao lâu, chàng đã trở nên một tay ăn chơi có tiếng ở chốn Thần-kinh. Cuộc đời truy-lạc ấy đã kéo dài trong hai năm nay và khiến chàng lặn lội trong cảnh bùn nhơ.

Nhưng dầu sao đi nữa, cái di-sản tinh-thần của gia-đình chàng vẫn dôi-dào mạnh-mẽ, nhất là hình ảnh của mẹ chàng, dịu-dàng âu-yếm, mỗi lần thoáng qua là làm chàng tủi cực đau lòng. Biết bao lần, sau những cuộc vui đàn-dĩm, chàng cảm nhận một cách đau-đớn nỗi trống-trải của lòng chàng. Chàng hiểu đời chàng lạt-lẽo khô-khạn, nhưng vì chưa nhận được một chuẩn-dịch gì cho đời sống, nên lặng-lẽ âm-thầm, chàng mặc thả cho đời chàng chìm-dắm trong những cuộc truy-hoan. Mỗi lần nhớ đến mẹ, nhớ đến gia-đình, chàng ước mong một sự thay-đổi đến cứu chàng ; chàng khao-khát một đời sống

có ích, có nghĩa, nhưng buồn thay, chàng không có can-dảm để suy-nghĩ, để tìm-tòi và đời sống của chàng vẫn lặng lẽ trôi theo đường nếp cũ.

Hôm nay trong lúc dạo chơi, chàng bỗng gặp ngôi chùa cũ kỹ bên đường. Về hiền lành và thanh-lijh của ngôi chùa làm chàng khoan-khoái, yên-tâm. Chàng muốn vào, nhưng không hiểu vì sao, chàng lại do-dự, chỉ nhìn vào rồi lại quay đi. Chàng thông-thả đạp xe trên con đường về miền Ngự-binh, con đường cát đỏ, với thóng reo. Trời đã về chiều với tất cả nét vẽ linh-động của cảnh hoàng-hôn sắp tàn. Tiếng chim gọi đàn, tiếng mục-đồng hò trâu, lại gió chiều từng làn một thoang-thoảng ri-rào trên ngọn thông xanh, chàng say-sưa trong cảnh êm-dềm của buổi chiều tàn, chàng cảm-nhận một bài học hay của vũ-trụ bao la. Đời chúng ta đâu phải để ấp-ủ trong vòng chật-hẹp của ích-kỷ, của lòng tham, chúng ta cần phải sống mạnh, sống nhiều ; đời chúng ta cũng phải rộng-rãi bao la như cảnh vật xung-quanh. Chàng tự nghĩ : sống mạnh, sống nhiều, nhưng để làm gì và để cho ai ? Chàng đã riêng sống cho chàng nhiều, chàng đã đi tìm hạnh-phúc trong những thú vui ích-kỷ, chàng cũng đã sống mạnh, sống nhiều, chàng chỉ sống cho đời chàng. Nhưng cái chuẩn-đích thiết-thiết của đời sống đối với chàng vẫn là một ảo-ảnh. Năm nay chàng đã 23 tuổi đầu, nhưng chàng cảm nhận thiết chưa biết sống là gì, chàng nhận thấy thân chàng chỉ như một cánh bèo trôi nổi bấp-bênh . . . Cảnh chiều tàn với hình-ảnh của vũ-trụ bao la, làm nổi dậy trong lòng chàng những hoài-bão ngấm-ngấm tự ngàn xưa.

Chàng đi về ngã Nam-giao và định rẽ xuống trường Bến-ngự. Bỗng trước mắt chàng hiện ra một

cảnh chùa to lớn, oai-nghiêm. Bên cạnh chùa là nhà giảng-đường, đèn điện sáng choang, người đến tập-nập. Trên một tấm bảng, cạnh cửa chùa, đầu-đề bài giảng "Phật-giáo và đời sống" viết rõ-ràng từng nét một. Chàng vui chân bước vào.

Nhà giảng-đường trang-hoàng với một vẻ đẹp giản-dĩ và thân-mật. Hai bóng sen trắng nổi hẳn trên lương, hai tấm bảng nhỏ nên rõ mục-dịch và châm-ngôn, chàng nhận ngay một sự liên-lạc mật-thiết giữa những hàng chữ viết nét xanh và mạnh, và hình vẻ bóng sen, trong trắng thanh-khiết. Thỉnh giả đến đã chập-phòng, phần đông là bạn trẻ các Trường. Chàng đưa mắt nhìn qua, tìm kiếm một vài nét mặt quen. . . . Bỗng tiếng hát nổi lên mạnh mẽ và oai-nghiêm, tất cả cử-tọa đều đứng dậy, im lặng và kính-cần. Những tâm-hồn đồng một lòng, đồng một niệm, như đã nhờ bài hát mà được bộc-lộ một cách tha-thiết. Toàn cảm nhận một mối liên-thân-ái lan rộng hết cả phòng, thấm-nhuần tất cả thỉnh-giả. Đã vào trong phòng, đã chung sống trong làn không-khí nhà Chùa, chàng thấy chàng sống trong một cảnh thân-mật đã quen, dễ chịu. Tiếng-hát vừa dứt, nhà diễn-giả từ từ bước lên diễn-đàn. Sau khi đưa mắt nhìn qua thỉnh-giả, chàng bắt đầu nói. Dọng trong và mạnh, những đoạn hệ-trọng được nhấn mạnh từng chữ từng câu, nghe rõ-ràng. Vài lời cảm ơn các thỉnh-giả tới dự, chàng nói tiếp :

« Chúng tôi cũng hiểu, tuổi trẻ chưa phải là tuổi luận bàn việc đời, nhưng thưa các Ngài, lòng trẻ bao giờ cũng thành-thật, cũng rõ-ràng. Những điều chúng tôi cảm-nhận là hay, là đúng, là có ích; không bao giờ chúng tôi để ăp-ủ trong lòng. Chúng tôi tuy còn trẻ, nhưng chúng tôi cũng đã sống, cũng đã biết sống,

Ra đời, được một đức-tinh hay suy-nghĩ, chúng tôi khi nào cũng lấy trí suy-nghĩ mà nghiệm xét việc đời, và hôm nay, lên đây bợc-bạch một vài lời, những lời này cũng là những lời thành-thật, thốt tự đáy lòng, muốn chung cùng các Ngài, các bạn, san-sẻ một vài quan-niệm, một vài ý-nghĩ. Rồi chàng bắt đầu vào đề : **Phật-giáo và đời sống**. Trước hết chàng phác qua những quan-niệm về các đời sống hiện tại : nào người chủ-trương một đời sống nhân-hạ, không lo nghĩ gì việc đời, nào người sống để tôn-thờ một mục-đích một chủ - nghĩa. Có người nhận thấy đời sống chỉ có ý-nghĩa trong sự thờ-phụng một đấng nào. Quan-niệm đời sống của Toàn, cũng được nhà diễn-giả phỏ-bày rõ-ràng.

Chàng kết-luận : Sự thật, chúng ta chỉ toàn sống trong ảo-ảnh, chúng ta thường theo đuổi các giả-ảnh mà không hay, như người khát nước chạy theo bóng rợn của không khí rung-rinh trên bãi cát nóng, để mong tìm nước. Công phu thì nhiều mà cứ mỗi ngày thêm đau khổ, chua xót...như những người trong chiêm-bao đeo đuổi theo những vật hão-huyền rồi đau-khổ.

Diễn-giả lại dùng nhiều luận-lý, để chỉ rõ cuộc đời hiện sống chỉ là ảo-ảnh. Tiếng nói vẫn rõ ràng và mạnh mẽ. Song Toàn bị hai hình ảnh của diễn-giả gọi ra trước kia, vấn-vít, ám-ảnh. Biết bao ý-nghĩ nổi lên làm cho chàng không theo luận-lý của diễn-giả một cách sáng-sốt nữa.

Toàn cảm thấy nhiều lúc mình đã nhận được cuộc đời mình hiện sống là một ảo ảnh. Sau những đêm truy-hoan, chàng thấy bợ-phờ chán-nản. Sao trước kia, đọc tiểu thuyết tình, chàng tưởng-lượng các cuộc chơi thuyền sông Hương, các cuộc hẹn-hò dưới đời thông nó đẹp-đẽ êm-dịu như thơ, mà ngày nay thực tế chỉ để

lại cho chàng lại-lẽo và lảm lức chán buồn. Rồi chuyện này đến chuyện khác gọi mãi không ngừng, nó chấp-chờn hòa với tiếng của diễn-giả một cách kỳ-dị. Toàn có cảm tưởng đang dự một cuộc chiếu-bóng nói mà hình-ảnh với lời nói không ăn nhịp nhau.

Bỗng tiếng sang sáng của diễn-giả dừng. Sau một lúc yên-lặng, chàng lại nói tiếp, giọng từ từ và nhẹ nhàng một cách trịnh-trọng : « Cách đây 2000 năm, một thanh-niên đã khắc-khoải với đời sống Ở một hoàn-cảnh thuận-tiện lại nhờ tư-chất rất thông-minh nên người đã nhận thấy rõ lối sống của mình và của mọi người quanh mình rất nhiều khuyết-điểm. Vì thế cho nên người, một vị Hoàng-Tử, đã quyết-chỉ bỏ cung vua, rời tình-yêu của cha mẹ vợ con, từ giã cuộc đời đầy vui thú nhưng còn thiếu-thốn của một Hoàng-Tử, để lên đường tìm cho kỳ được một lối sống hoàn-toàn hơn. Vị Hoàng-Tử ấy là đức Thích-Ca.

Sau nhiều năm cần khổ, học-hỏi, xét đoán, chiêm-nghiệm, mặc tưởng, trầm tư, Ngài đã tìm ra mục-dịch của đời sống và đã vạch cho mọi người một đời sống hoàn-toàn. Lối sống ấy là lối sống lối vừa mới giảng bày trên, lối sống ấy chính đức Thích-Ca đã diễn rõ trong nhiều đời vô-cùng hoạt-động của Ngài.

Rồi diễn-giả kết luận và cảm ơn thính-giả một lần nữa, tiếng vỗ tay nổi dậy hòa cùng tiếng hát hùng-hồn vang lên kết-thúc cho buổi diễn-thuyết hôm ấy.

Toàn len-lỏi theo mọi người ra cửa chùa, bên tai còn văng vẳng tiếng của diễn-giả với một vài hình-ảnh vẩn-vit theo . . . “ Một thanh-niên đã bỏ gia-đình, rời tình yêu cha mẹ vợ con, từ giã cuộc đời đầy thú vui của một vị Hoàng-tử . . . ” Chuyện đức Phật

Thích-Ca nào chàng có lạ gì, song hôm nay, nhắc lại, nó làm cho chàng cảm-động lạ, phải chăng nó có liên-can đến cảnh-ngộ của chàng ?

Chàng cũng đã rời bỏ gia-đình giàu có, từ-giã người cha yêu-quý chàng như ngọc : . . . nhưng ra đi với một sự căm-hờn, ra đi với trí trống rỗng không mục-đích và để tìm một cuộc đời như bản khổ đau . . . Một hành-vi mà hai con đường. Sao vị thanh-niên kia rời bỏ gia-đình lại đi thẳng lên con đường sáng lạng những hào-quang, còn chàng cũng rời gia-đình, lại rơi xuống một cuộc đời đau-khổ, chán buồn ngày nay . . . ?

Chàng vừa quanh xe về phía Bến-ngự, thời chợt thoáng thấy bóng một ông cụ già tóc bạc, mặc áo đoạn tàu. Chàng sực nhớ đến cha . . . Trong phút ấy, một tia sáng bỗng nảy-nở trong tâm trí chàng. Chàng sẽ trở về cạnh cha, cố nhẫn-nhục với bà kể mẫu quên mình để gây hạnh-phúc cho gia-đình, làm vui lòng cha. Chàng nghĩ rằng : « Chỉ những tâm-hồn vô tận như Thái-lữ Thích-Ca mới có thể, và mới nên thoát gia-đình, chỉ những ý chí vô-cùng như Thái-lữ mới đáng thoát gia-đình ! » Còn những kẻ như chàng ra khỏi gia-đình mà làm gì, chỉ thêm gây khổ cho mình, và đau thương cho kẻ khác. Chàng muốn tránh khỏi cảnh khổ của gia-đình, chàng lại làm hẹp ngục-thất giam chàng, đời sống của chàng nay chỉ còn đến lớp da quanh thân ! Chàng muốn thoát-ly cho mầm sống trẻ còn nhiều sức trong chàng, muốn quên mình để phụng sự gia-đình.

Nhưng chàng cảm thấy lắm lúc, trên con đường cát đỏ với thong reo, tâm hồn chàng cũng đã từng lan rộng như để hòa nhạc cùng vũ-trụ bao la, tâm

hồn chàng nào có hẹp-hòi ! Chàng lắm, chàng đau khổ bơ-vơ chỉ vì chàng thiếu kinh nghiệm chưa rõ cuộc đời dự-vọng là nhỏ nhen, ảo-ảnh ; thiếu suy-nghĩ, chàng chưa biết đâu là chuẩn-đích cho đời chàng đó thôi !

Đêm ấy, chàng thức đến 12 giờ khuya viết hai bức thư. Ngòi viết chạy đều trên tờ giấy trắng, tâm hồn chàng được phát lộ một cách nhẹ-nhàng. Chàng khoan-thai đọc lại những hoài-bão ngấm ngấm từ ngàn xưa, nay đã được diễn-lã một cách tha-thiết trên những giòng chữ đầy ý-nghĩa. Văng vẳng bên tai, hòa nhạc với âm-điệu của lòng chàng :

“ Kia xem đóa sen trắng thơm ”

“ Nghìn hào-quang chiếu sáng trên bàn ”

.....

“ Đến bao giờ được tay sen ngát ”

“ Tỏa hương thơm Từ-bi tận cùng ”

K. N. B. K.

PHẬT-PHÁP VẤN ĐÁP

Nhờ Ngài làm ơn trả lời cho những câu hỏi sau này :

1) Vô-thể, lại nay vì sao mà sao chúng-sanh thể-giới ?

(Chúng tôi cũng đã hiểu : cảnh-giới ta sống đây không thiệt có, chẳng khác nào cảnh-giới trong chiêm bao. Song, trước khi chiêm-bao phải có tướng và có ngũ dã. Do hai món trên mới có cảnh chiêm-bao biểu-hiện.

2) Các Đức Phật về sau còn bị luân-hồi sanh-tử nữa không ?

Nếu đáp rằng không, thì (đối với chúng tôi chưa hiểu về vô-lý, vì rằng : trước kia chúng ta cũng có chân-tâm như Phật. (Thiệt ra, trước kia một thể như như vắng lặng).

3) Theo ngụ ý chúng tôi thì nói : Ta sống đây nhờ hai món : Tâm và tứ-dại. Vì rằng, phi tứ-dại thì tâm nương vào đâu mà hay biết ?

Vậy tứ-dại thiệt có hay không thiệt có ? Nếu đáp thiệt có, thì phi cái biết đi nó vẫn không thiệt có. (Theo các sách đã nói : chân-tâm vốn một thể như như, giống mặt bể vắng lặng, vì một vọng-niệm nên có thiên hình vạn trạng cũng như mặt bể, vì có gió nên mặt bể mới nổi sóng). Xét trong câu ấy thì vẫn có gió là một-cái ngoài nước làm cho sóng nổi kia mà !

4) Chúng tôi và Ngài nói chuyện đây, thì ai tạo ra ai ?

(Vẫn biết, muôn sông đều do nước mà thành, con sông này không thể bảo tạo con sông khác được,

nhưng, vì có gió, làm cho sóng nổi chứ không phải tự sóng nổi).

Còn như nói về cảnh-giới trong chiêm-bao, chúng tôi thấy một ông cọp, cọp ấy do tôi tạo, lẽ đúng như vậy rồi, còn tôi và Ngài, ai tạo ai ?

* *

Vấn. — Chúng tôi và Ngài nói chuyện đây, thì ai tạo ai ?

Đáp. — Tôi cho con mèo ăn, tôi thấy tướng con mèo ; nhưng mèo có thấy tướng tôi không ? Nếu nó không thấy tướng tôi sao nó biết nhìn tôi mà mừng rỡ. Nếu nó thấy tướng tôi, thì tướng ấy có khác tướng con tôi thấy tôi không ? Nếu không khác, thì mèo tức là con tôi. Điều ấy không có lý. Vậy con mèo và con tôi thấy tướng tôi tất không giống nhau, vậy cái tướng chúng thấy chẳng phải chính chúng đã tạo ra tùy theo nghiệp của chúng sao ?

Đạo-hữu và tôi cũng vậy ; tôi thấy đạo-hữu chính là thấy cái tướng của tâm tôi tạo. Nếu tôi mới gặp đạo-hữu lần đầu, thì tôi chỉ thấy mặt mũi áo-quần của đạo-hữu mà thôi. Nếu gặp nhiều lần rồi, thì tôi còn thấy cả tinh-tinh, ý-nghĩ, gia-thế v.v... của đạo-hữu nữa ; đạo-hữu thấy tướng tôi cũng theo một cách như thế. Chẳng những vậy, chính trong lúc ngồi nói chuyện đây, đạo-hữu thấy rất rõ tướng của mặt tôi nhưng nếu quá để ý vào câu chuyện, chắc đạo-hữu không còn thấy rõ mặt tôi như trước, và tướng tôi sẽ chỉ là một cái bóng loang-loáng mà thôi.

Lại không những tôi tạo ra tướng đạo-hữu, mà chính tôi cũng có tạo tướng tôi nữa, cái tướng ấy nó cũng thay đổi mãi mãi tùy theo mỗi lúc.

Vậy chính châu-tâm duyên tâm niệm mà khởi

ra tướng tôi tướng ngài, cũng như biển tùy phong luân mà nổi sóng, đối với mặt biển, mỗi sóng đã có phần sai khác, mà mỗi luồng sóng này đối với luồng sóng kia cũng có phần sai khác. Trong một luồng sóng này vẫn chiếu bóng các sóng khác, mà bóng luồng sóng ấy cũng chiếu vào tất cả các luồng sóng kia.

Đạo-hữu nên đề ý đến chữ phong-luân, đó là sức mạnh làm cho nước chuyển chính trong biển phát ra, chứ không phải nổi gió ở ngoài đến đâu. Trong các ví-du ta cần nhận xét cái chỗ của người lập du muốn chỉ, chớ không nên quá chấp hoặc lầm về danh-tự.

Còn cảnh trong chiêm-bao và cảnh ở ngoài tuy giống mà vẫn có khác, vì cảnh ngoài có duyên của ngũ-thức (tai, mắt, mũi, lưỡi, thân) cũng như nay một người vừa đi, vừa điếc, vừa cảm không tạo ra cảnh giới giống cảnh giới của người đủ ngũ-căn. Vậy cái tướng của tôi mà họ đã tạo ra hẳn là không đúng, song đạo-hữu hãy nghiệm thử các tướng chính chúng ta tạo có bao giờ thiệt đúng hơn các tướng trong chiêm-bao không? Nó thiệt đúng sao nó thay-đổi mãi? Chính thật ra, nó không thật đúng, vì thế Kinh mới nói là : « Như-huyễn » và Luận nói là « tợ-hiện-lượng », và vì nó đã tùy duyên của tâm niệm mà thay-đổi thì không thể nói nó thiệt có, hay thiệt không có, nó chỉ là **thiệt duy-tâm tạo**.

Vấn.— Theo ngu-ý chúng tôi thì nói : Ta sống đây nhờ hai món : Tâm và tứ-đại. Vì rằng phi tứ-đại thì tâm nương vào đâu mà hay biết? Vậy tứ-đại thiệt có hay không thiệt có? Nếu **đáp** thiệt có, thì phi cái biết đi nó vẫn không thiệt có.

Đáp. — Nghiệm các lý trên thì cũng đủ rõ, tứ-đại cũng chỉ **duy-tâm-tạo**. Tứ-đại là tướng của tâm, sự hay biết là cái đối với tướng của tâm mà có. Sự hay biết và tứ-đại không rời nhau mà riêng có. Vậy tứ-đại không có, như tất cả mọi sự-vật, cũng như cái biết duyên với tứ-đại có, cái biết ấy vốn không thiệt có. Cái-tâm chân-thật thường còn không thay-đổi thì không phải cái biết do đối-đãi mà có ấy.

Vấn.— Vô-thỉ lại nay vì sao mà có chúng sanh thế-giới? (Chúng tôi cũng đã hiểu : cảnh-giới ta sống đây không thiệt có, chẳng khác nào cảnh-giới trong chiêm bao. Song trước khi chiêm-bao phải có **tướng và có ngủ đã**. Do hai món trên mới có cảnh chiêm-bao biểu-hiện.)

Đáp.— Ngài đã nhận cảnh-giới đây như chiêm-bao và cảnh-giới đây không thiệt có, chỉ nghi trước khi chiêm-bao có tướng có ngủ, còn đời sống đây chưa chắc có hai điều ấy. Song ngài hãy nghĩ lại trong lúc chiêm-bao, ngài có biết trước kia đã có tướng có ngủ không? Hẳn là không. Vậy hiện nay chưa giác-ngộ (cũng như đang chiêm-bao chưa tỉnh) thì cũng khó biết khi mình chưa mê thổ nào. Vậy điều quan-yếu là hãy làm cho mình tỉnh, tự-khắc thấy rõ, như người đang mơ-ngủ, được người thức tỉnh mới rõ trước kia mình thế nào. Thiệt ra đời chúng-ta chỉ là nhiều giấc chiêm-bao liên-tiếp, người tỉnh chỉ là người biết mình chiêm-bao và biết giấc chiêm-bao trước có ảnh-hưởng đến giấc chiêm-bao sau.

Như đoạn thứ nhất đã chỉ rõ mỗi vật đều có tạo ra cảnh vật cùng tướng của chúng sanh, theo duyên tâm-niệm của mình, mèo thấy cảnh chúng sanh theo nghiệp mèo, người thấy cảnh chúng sanh theo nghiệp người. Trong kinh **Thủ lãg nghiêm** Phật đã dạy : « Tướng

trùng thành quốc-độ », nghĩa là cái tướng đứng về một
mạch, thành thế-giới chúng sanh. Nghĩa là cái tướng
ấy nếu một phen thay-đổi được sẽ đổi cả cảnh giới.
Cho nên lúc các vị tu định, đổi tướng hữu-sắc ra vô-
sắc, thì cảnh cũng đổi theo ; mà vào định phi tướng
thì cảnh quốc-độ cũng tiêu. Đến quả-vị Phật thì tùy
tâm-niệm đổi cảnh-giới, nên gọi là tự-tại.

Vấn.— Đức Phật về sau còn bị luân-hồi sanh-tử
nữa không ? Nếu đáp rằng không, thì (đối với chúng tôi
chưa hiểu) e vô-lý, vì rằng : trước kia chúng ta cũng có
chân-tâm như Phật.

Đáp.— Ngài nói trước kia chúng ta cũng có chân-
tâm như Phật, thiệt ra không phải thế, hiện nay ta
vẫn có chân-tâm, nhưng vì ta không nhận được chân-
tâm ấy thành gọi là chúng sanh mà thôi ! Một người
muốn đi về phương nam lại đi về phương bắc, thì gọi
họ là lầm-đường, đến lúc họ biết rõ đường rồi, trở lại đi
về phương nam thì gọi là không lầm nữa. Đây chỉ là
sự biết đúng hoặc sai, mà phương-hướng có khác ;
chứ thiệt ra trong đó không có gì thay-đổi, không có
gì mới sanh, không có gì đã diệt. Vì một phen đã
biết rõ đường đi về nam chắc chắn rồi, thì tất
không lại còn đi về phương bắc nữa, cho nên đức
Phật đã toàn-giác thì không mê nữa. Lẽ này nhiều
người nghi lắm, song nếu Ngài đọc kỹ lại Thủ-
lăng-Nghiêm thì sẽ hiểu rõ không lầm nữa. Có cái
lầm này chỉ vì tướng trước kia tâm ta sáng suốt
như Phật, sau rồi hóa mê. Thiệt ra không phải như
thế, và vì lẽ gì tôi đã nói ở trên. Thiệt ra chúng
ta lấy cái tâm so-đo phân-biệt của mình mà tướng
tượng quả-vị đức Phật, cũng chẳng khác gì trẻ thơ
tướng-tượng sự hiểu biết của nhà Bác-Học. Trong
kinh Viên-Giác Phật có dạy : « Đem cái vọng-tâm của

chúng-sanh mà ỨC-ĐẠC Phật-quả, chẳng khác gì kết không-hoa thành không-quả...Kết cái huyễn làm sao thành được cái thiệt ! »

Tóm lại chúng ta không thể đem vọng-tướng mà nhận chân-lý, chúng ta cần phải theo chính-pháp tu-tập, đoạn trừ lần các vọng tưởng, thì chân lý mới lần lần được thực-hiện. Vậy rất trông mong đạo-hữu gắng tìm những nguyên-nhân của luân-hồi khổ-não hiện-tiền, những mê-làm theo huyễn-tướng giả-danh dặng trừ tuyệt đi, thì thế nào một ngày kia cũng khế-hiệp chân-tánh. Chúng ta nên nương theo văn-tự-tướng mà tham-học đạo-lý, thể nhận đạo lý, chớ không nên để cho văn-tự-tướng làm chương ngại tâm học đạo, và xin Đạo-hữu chỉ xem những lời phân-giải trên kia như ngón tay chỉ mặt trăng mà thôi,

Nam-mô Thường-tĩnh-tiến Bồ-tát



**DANH-SÁCH CÁC HỘI-VIÊN HOẶC CÁC
TỈNH-HỘI ĐÃ CUNG TIỀN BẤT-ĐỘNG-SẢN
CHO PHẬT-HỌC TRƯỜNG (tiếp theo)**

1) Tỉnh-hội Tourane :	290\$00
2) Tỉnh-hội Gia-lai :	66,00
3) Tỉnh-hội Thanh-hóa :	500,00
4) Tỉnh-hội Bình-định :	500,00
5) Tỉnh-hội Ninh-thuận :	131,20
6) Tỉnh-hội Phú-yên :	28,00
7) Tỉnh-hội Nghệ-an :	100,00
8) Chi-hội Dran :	50,00
9) Lê-văn-Kỷ (Sông Cầu) :	50,00
10) Bà Lâm-quang-Vạn :	50,00

THU TÍN

Chúng tôi đã nhận được ngân-phiếu bưu-điện của quý
ngài Độc-giả kê tên dưới đây :

M. M. Tỉnh-Hội Phật-Học ở Faifoo	15\$00
Tổng-Trị-Sự Huế	11.36
Nguyễn-xuân-Phương ở Hanoi	2.50
Đỗ-văn-Tuyên ở Hanoi	7.00
Phước-Bình ở Gia-định	2.00
Vương-Bá Phan-thiết	7.80
Trần-minh-Nguyệt ở Laokay	2.00
Lê-đình-Sửu ở Hanoi	2.50
Phạm-Tá ở Hanoi	2.50
Võ-thường-Triết ở Tuy-hóa	12.00
Tỉnh-Hội P. H. Pleiku	18.00
Huỳnh-văn-Trọng ở Sài-gon	5.00

Nho-Sĩ à Vinh	3.00
Nguyễn-quang-Hùng à Laokay	2.50
Tỉnh-Hội Thừa-Thiên à Huế	160.00
Nguy-văn-Khá à Saigon	2.50
Thái quang-Châu à Nha-trang	3.50
Đoàn-ngọc-Châu à Saigon	2.50
Nguyễn-Chút à Banmethuot	2.50
Nguyễn-sĩ-Điền à Djiring	2.00
Vũ-dình-Thứ à Hanoi	2.50
Phan-bá-Thức à Cambodge	2.50
Nguyễn-văn-Hoa à Saigon	2.50
Trịnh-văn-Miêng à Kasmoul	2.50
Tỉnh-Hội P. H. à Phan-thiết	5.00
Lê-văn-Chí à Huế	5.30
Mme Chauquet à Ninh-binh	2.00
- Cao-thị-Cường	2.00
Trần-văn-Giáo à Quảng-binh	2.00
Lê-văn-Ký à Thudaumot	2.50
Hồ-như-Tiêm à Trang-bóm	5.00
Nguyễn-văn-Bân à Bồng-sơn	2.50
Chi-hội P. H. Cảnh-dương	3.00
Vũ-dình-Thứ à Hanoi	9.20
Võ-văn-Đỏm à Saigon	10.00
Huỳnh-duy-Phụng à Tân-an	2.50
Nguyễn-ngọc-Ngoạn à Mỹ-thọ	2.50
Đào-văn-Đoã và Bạch-quốc-Nghệ à Bến-thủy à Vinh	10.00

Chúng tôi xin có lời cảm ơn chư-quý đêc-giã và sẽ xin tiếp tục gửi nguyệt-san.